CÔNG TY CỔ PHẦN **DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 396 /PTC-TCHC V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2015	*Nghệ An, ngày 15 tháng 8 năm 2015*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : **Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông**
2. Mã Chứng khoán : **PDC**
3. Đại chỉ trụ sở chính : Số 218 Lê Duẩn, Phường Trường Thi, Tp.Vinh, Nghệ An
4. Diện thoại: 038.3845527 Fax: 038.3593479
5. Người thực hiện công bố thông tin: Kim Thị Liên Quý (ĐT: 0919.561.468)
6. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2015.
7. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn www.phuongdongpv.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**
Kim Thị Liên Quý	**Trần Đình Phúc**

Nơi nhận:
- Như trên,
- Website PTC;
- Lưu: VT, KLQ.

Tài liệu đính kèm:
Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2015.

Signature Not Verified
Ký bởi: KIM THỊ LIÊN QUÝ
Ký ngày: 15/8/2015 14:38:31

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Thản	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015)
Ông Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2015)
Bà Lê Thị Hoàng Yến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thương Huyền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2015)
Ông Trần Đình Phúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2015)
Ông Phó Thiên Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015)
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên
Ông Trần Hải Nam	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Tuyết	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)
Ông Trần Đình Phúc	Phó Giám đốc (miễn nhiệm chức vụ Giám đốc và bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc ngày 01 tháng 7 năm 2015)
Ông Thái Hồng Nhã	Phó Giám đốc
Bà Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Đình Phúc
Phó Giám đốc
Theo giấy ủy quyền số 393 ngày 12 tháng 8 năm 2015

Thành phố Vinh, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Toà nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 0081 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 8 năm 2015, từ trang 4 đến trang 28. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Deloitte.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 8.491.270.722 VND, lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 36.220.999.464 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2014: 36.699. 841.411 VND). Các kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này cũng được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu "PETROVIETNAM và hình" với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ VND. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa ghi nhận phí sử dụng nhãn hiệu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến 30 tháng 6 năm 2015 do đang trong quá trình thanh lý hợp đồng với PVN. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH có số tiền tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND, đồng thời đã trích lập 100% dự phòng công nợ phải thu khó dòi với số tiền 44.438.643.231 VND. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty vẫn chưa quyết định xử lý các khoản công nợ nêu trên.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) là khoản vay dài hạn đã quá hạn trả theo Hợp đồng tín dụng số 53/PV-PTC/PVF08 ngày 27 tháng 11 năm 2008 với hạn mức vay là 50 tỷ VND, ngày đáo hạn là ngày 27 tháng 11 năm 2011. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa ký được phụ lục hợp đồng với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam để gia hạn hợp đồng vay.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN - DELOITTE VIỆT NAM - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1472-2014-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**14.313.625.900**	**50.967.583.776**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**5.171.065.120**	**13.173.303.451**
1. Tiền	111		4.868.314.120	4.870.552.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		302.751.000	8.302.751.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**6.160.917.817**	**33.048.522.464**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22.951.805.125	20.467.725.549
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	27.411.344.425	56.083.901.258
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.162.440.921	1.869.778.593
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(45.364.672.654)	(45.372.882.936)
III. Hàng tồn kho	**140**	**9**	**1.495.624.065**	**3.305.868.638**
1. Hàng tồn kho	141		1.495.624.065	3.305.868.638
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.486.018.898**	**1.439.889.223**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		792.427.990	778.799.107
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		661.090.116	661.090.116
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	32.500.792	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**168.563.251.093**	**145.797.481.112**
I- Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**500.000.000**	**500.000.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216		500.000.000	500.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**148.142.578.011**	**116.960.145.795**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	148.142.578.011	116.960.145.795
- Nguyên giá	*222*		*204.321.042.983*	*169.850.405.433*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(56.178.464.972)*	*(52.890.259.638)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	*228*		*442.380.500*	*442.380.500*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(442.380.500)*	*(442.380.500)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**13**	**892.148.175**	**10.559.448.353**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		892.148.175	10.559.448.353
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**12.172.670.000**	**12.172.670.000**
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	12.172.670.000	12.172.670.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.855.854.907**	**5.605.216.964**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	6.855.854.907	5.605.216.964
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**182.876.876.993**	**196.765.064.888**

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**46.161.470.943**	**60.528.500.785**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**22.804.896.622**	**36.926.067.787**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	7.169.584.861	3.218.571.918
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		906.334.365	988.387.543
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	749.779.456	490.132.616
4. Phải trả người lao động	314		226.697.727	2.451.790.259
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		166.331.195	139.209.629
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		123.615.641	238.254.694
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		533.942.765	1.471.110.516
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	13.000.000.000	28.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(71.389.388)	(71.389.388)
II. Nợ dài hạn	**330**		**23.356.574.321**	**23.602.432.998**
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		23.356.574.321	23.602.432.998
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**136.715.406.050**	**136.236.564.103**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**18**	**136.715.406.050**	**136.236.564.103**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*150.000.000.000*	*150.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.819.811.566	22.819.811.566
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		116.593.948	116.593.948
4. (Lỗ) lũy kế	421		(36.220.999.464)	(36.699.841.411)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(36.699.841.411)*	*(39.746.033.499)*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	*421b*		*478.841.947*	*3.046.192.088*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**182.876.876.993**	**196.765.064.888**

Kim Thị Liên Quý	**Lê Thị Hồng Gấm**	**Trần Đình Phúc**
Người lập biểu	**Phó phụ trách**	**Phó Giám đốc**
	Phòng Tài chính Kế toán	**Theo Giấy ủy quyền số 393 ngày 12 tháng 8 năm 2015**

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Phân loại lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**20**	**34.876.552.525**	**48.194.463.466**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**34.876.552.525**	**48.194.463.466**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	29.239.940.014	41.962.512.254
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**5.636.612.511**	**6.231.951.212**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	209.467.088	509.095.891
7. Chi phí tài chính	22	23	289.000.684	337.685.024
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*288.634.844*	*337.500.000*
8. Chi phí bán hàng	25		1.090.354.201	1.249.856.080
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.932.207.001	3.399.167.524
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**		**534.517.713**	**1.754.338.475**
11. Thu nhập khác	31	25	387.748.121	259.205.020
12. Chi phí khác	32	26	308.365.904	172.677.105
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**79.382.217**	**86.527.915**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**613.899.930**	**1.840.866.390**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	135.057.983	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**478.841.947**	**1.840.866.390**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**28**	**32**	**123**

Kim Thị Liên Quý	**Lê Thị Hồng Gấm**	**Trần Đình Phúc**
Người lập biểu	**Phó phụ trách**	**Phó Giám đốc**
	Phòng Tài chính Kế toán	**Theo Giấy ủy quyền số 393 ngày 12 tháng 8 năm 2015**

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***613.899.930***	***1.840.866.390***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.288.205.334	2.687.942.046
Các khoản dự phòng	03	(8.210.282)	269.540
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(208.493.239)	(509.095.891)
Chi phí lãi vay	06	288.634.844	337.500.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***3.974.036.587***	***4.357.482.085***
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	10.831.641.967	(7.312.391.744)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	1.810.244.573	(623.422.210)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả)	11	(4.349.337.314)	5.871.606.280
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.264.266.826)	1.985.852.571
Tiền lãi vay đã trả	14	(294.435.676)	(330.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(106.712.478)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***10.601.170.833***	***3.949.126.982***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(3.811.902.403)	(796.716.957)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	-
3. Thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	27	208.493.239	446.915.889
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(3.603.409.164)***	***(349.801.068)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(15.000.000.000)***	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**(8.002.238.331)**	**3.599.325.914**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**13.173.303.451**	**20.870.392.018**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	**70**	**5.171.065.120**	**24.469.717.932**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ bao gồm 99.000.000 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2014 là 6.326.199.600 VND), là số tiền đã ứng trước cho nhà cung cấp để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần giảm/(tăng) các khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG TP. VINH-T.NGHỆ AN

Kim Thị Liên Quý	**Lê Thị Hồng Gấm**	**Trần Đình Phúc**
Người lập biểu	**Phó phụ trách**	**Phó Giám đốc**
	Phòng Tài chính Kế toán	**Theo Giấy ủy quyền số 393 ngày 12 tháng 8 năm 2015**

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09a-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001789 ngày 01 tháng 02 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong năm 2009 với mã cổ phiếu là PDC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 221 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 227 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 26 tháng 4 năm 2013, ngành nghề hoạt động của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ ngành du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn phân bón);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Bán vé máy bay và các phương tiện vận chuyển công cộng);
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các hàng hoá chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Chi tiết: Đại lý thu đổi ngoại tệ);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Ngày 22 tháng 5 năm 2015, cổ đông lớn nhất của Công ty là Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương thực hiện bán toàn bộ 7.428.756 cổ phiếu, tương đương 49,5% vốn điều lệ Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 8.491.270.722 VND, lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 36.220.999.464 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2014: 36.699.841.411 VND), trong đó Công ty tồn tại khoản vay dài hạn đến hạn trả 13 tỷ VND cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam).

Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ. Ban Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng cuối năm 2015 và năm 2016 sẽ khả quan hơn và mang lại nguồn lợi nhuận hợp lý để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty. Do đó, theo đánh giá của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 Số năm (*)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản khác	2 - 10

(*) Một số tài sản được bàn giao lại tại thời điểm cổ phần hóa (ngày 31 tháng 01 năm 2008) được trích khấu hao theo giá trị còn lại và số năm sử dụng hữu ích còn lại.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và.Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	116.218.867	702.155.353
Tiền gửi ngân hàng	4.752.095.253	4.168.397.098
Các khoản tương đương tiền (i)	302.751.000	8.302.751.000
	5.171.065.120	**13.173.303.451**

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vinh.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH	17.341.643.231	17.341.643.231
Các khách hàng của Khách sạn Phương Đông	4.638.744.678	1.691.093.821
Các khách hàng khác	896.731.826	1.434.988.497
Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - Chi nhánh Vinh	74.685.390	-
	22.951.805.125	**20.467.725.549**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH	27.097.000.000	27.097.000.000
Các đơn vị khác	314.344.425	28.986.901.258
	27.411.344.425	**56.083.901.258**

Trả trước cho Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH được thực hiện theo Hợp đồng số 07/HĐKT ngày 14 tháng 3 năm 2008 và Hợp đồng số 33/HĐKT ngày 13 tháng 6 năm 2008 về việc mua bán sắn lát khô đựng bao được sử dụng để sản xuất nhiên liệu sinh học. Theo đó, Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH có trách nhiệm thu gom và giao khoảng 30.000 tấn sắn lát khô cho Công ty trong thời gian quy định trên các hợp đồng.

Theo biên bản làm việc ngày 30 tháng 8 năm 2009, Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH không có khả năng giao đủ số hàng đã cam kết, còn thiếu 15.000 tấn sắn lát khô chưa giao cho Công ty khi đến hạn.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Ngày 18 tháng 01 năm 2010, Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum đã ra Quyết định số 01/2010/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH và đã gửi Thông báo số 01/PS-TBTA ngày 25 tháng 01 năm 2010 tới Công ty với tư cách là chủ nợ thương mại theo quy định của Luật Phá sản. Công ty đã làm đơn khiếu nại đề nghị tòa xem xét lại quy trình phá sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH vì cho rằng Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH chưa đủ điều kiện để phá sản, nhưng không được tòa thụ lý. Khả năng thu hồi các khoản phải thu Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH (trình bày tại Thuyết minh số 6) và trả trước cho Công ty này như trình bày ở trên là không chắc chắn. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa quyết định xử lý khoản công nợ nêu trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã trích lập 100% dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khó đòi này với số tiền 44.438.643.231 VND.

8. NỢ XẤU

	30/6/2015			31/12/2014		
	VND	VND		VND	VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Tổng giá trị các khoản phải thu và trả trước khó có khả năng thu hồi	**45.451.810.480**	**87.137.826**		**45.397.857.491**	**24.974.555**	
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH	44.438.643.231	-	Trên 3 năm	44.438.643.231	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	1.013.167.249	87.137.826		959.214.260	24.974.555	

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	686.886.043	-	704.762.181	-
Công cụ, dụng cụ	428.922.780	-	2.235.535.298	-
Hàng hóa	379.815.242	-	365.571.159	-
	1.495.624.065	**-**	**3.305.868.638**	**-**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn		
Số dư đầu kỳ/năm	5.605.216.964	8.315.492.837
Tăng trong kỳ/năm	3.880.144.203	1.408.256.427
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(2.629.506.260)	(4.118.532.300)
Số dư cuối kỳ/năm	**6.855.854.907**	**5.605.216.964**

Khoản chi phí trả trước dài hạn chủ yếu phản ánh giá trị trang thiết bị, nội thất liên quan đến việc nâng cấp Khách sạn Phương Đông và giá trị công cụ, dụng cụ được sử dụng cho bộ phận bếp, buồng và nhà hàng của khách sạn.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	**137.990.701.547**	**26.933.027.311**	**3.915.178.216**	**95.872.554**	**915.625.805**	**169.850.405.433**
Mua sắm mới	173.804.600	1.662.443.636	976.878.000	-	-	2.813.126.236
Xây dựng cơ bản hoàn thành	31.657.511.314	-	-	-	-	31.657.511.314
Tại ngày 30/6/2015	**169.822.017.461**	**28.595.470.947**	**4.892.056.216**	**95.872.554**	**915.625.805**	**204.321.042.983**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	**34.326.718.313**	**15.327.141.489**	**2.629.566.883**	**76.273.968**	**530.558.985**	**52.890.259.638**
Trích khấu hao	2.019.329.476	961.196.779	255.793.803	8.399.394	43.485.882	3.288.205.334
Tại ngày 30/6/2015	**36.346.047.789**	**16.288.338.268**	**2.885.360.686**	**84.673.362**	**574.044.867**	**56.178.464.972**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2015	**133.475.969.672**	**12.307.132.679**	**2.006.695.530**	**11.199.192**	**341.580.938**	**148.142.578.011**
Tại ngày 31/12/2014	**103.663.983.234**	**11.605.885.822**	**1.285.611.333**	**19.598.586**	**385.066.820**	**116.960.145.795**

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 5.616.247.498 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.449.329.218 VND).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	**442.380.500**
Tại ngày 30/6/2015	**442.380.500**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	**442.380.500**
Tại ngày 30/6/2015	**442.380.500**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2015	-
Tại ngày 31/12/2014	-

13. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Khách sạn Cửa Đông	343.060.364	343.060.364
Phòng họp 800 chỗ	225.312.727	9.892.612.905
Cải tạo sảnh khách sạn Phương Đông	323.775.084	323.775.084
	892.148.175	**10.559.448.353**

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Sài Gòn - Kim Liên với tỷ lệ tương ứng là 16,5% vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị khoản đầu tư dài hạn này không bị suy giảm nên không phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	**2.128.549.234**	**3.218.571.918**
Các nhà cung cấp của Khách sạn Phương Đông	1.296.071.813	2.223.044.493
Các nhà cung cấp khác	832.477.421	995.527.425
Phải trả người bán là các bên liên quan	**5.041.035.627**	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	5.041.035.627	-
	7.169.584.861	**3.218.571.918**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu				
Tiền thuê đất	-	-	32.500.792	(32.500.792)
Cộng	-	-	**32.500.792**	**(32.500.792)**
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	360.004.631	1.529.510.353	1.308.349.184	581.165.800
Thuế tiêu thụ đặc biệt	129.688.119	761.429.390	754.965.737	136.151.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	135.057.983	106.712.478	28.345.505
Thuế thu nhập cá nhân	273.868	26.461.597	22.619.086	4.116.379
Tiền thuê đất	165.998	739.634.710	739.800.708	-
Cộng	**490.132.616**	**3.192.094.033**	**2.932.447.193**	**749.779.456**

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2015		Trong kỳ	31/12/2014	
	VND	VND		VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (i)	13.000.000.000	13.000.000.000	15.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
	13.000.000.000	**13.000.000.000**		**28.000.000.000**	**28.000.000.000**

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) là khoản vay dài hạn đã quá hạn trả theo Hợp đồng tín dụng số 53/PV-PTC/PVF08 ngày 27 tháng 11 năm 2008 với hạn mức vay là 50 tỷ VND, ngày đáo hạn là ngày 27 tháng 11 năm 2011. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, chịu lãi suất 1,5%/năm và được sử dụng để tài trợ cho dự án nâng cấp khách sạn Phương Đông từ 3 sao lên 4 sao. Dự án này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 4 năm 2009. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa ký được phụ lục hợp đồng với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam để gia hạn hợp đồng vay. Hiện tại, Công ty đang chịu mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay thông thường, tương ứng với 2,25%/năm.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(Lỗ) lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	**150.000.000.000**	**22.819.811.566**	**116.593.948**	**(39.746.033.499)**	**133.190.372.015**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.046.192.088	3.046.192.088
Tại ngày 31/12/2014	**150.000.000.000**	**22.819.811.566**	**116.593.948**	**(36.699.841.411)**	**136.236.564.103**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	478.841.947	478.841.947
Tại ngày 30/6/2015	**150.000.000.000**	**22.819.811.566**	**116.593.948**	**(36.220.999.464)**	**136.715.406.050**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các cổ đông của Công ty bao gồm:

	30/6/2015			31/12/2014		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
	Cổ phiếu	%	VND	Cổ phiếu	%	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	-	0,00%	-	7.428.756	49,53%	74.287.560.000
Ông Lê Thanh Thản	3.000.000	20,00%	30.000.000.000	-	0,00%	-
Ông Đỗ Trung Kiên	2.850.000	19,00%	28.500.000.000	-	0,00%	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1.630.600	10,87%	16.306.000.000	1.630.600	10,87%	16.306.000.000
Ông Lê Kim Giang	1.578.756	10,53%	15.787.560.000	-	0,00%	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	1.470.000	9,8%	14.700.000.000	1.470.000	9,8%	14.700.000.000
Bà Lê Thị Hoàng Yến	1.155.900	7,70%	11.559.000.000	-	0,00%	-
Cổ đông đại chúng	3.314.744	22,1%	33.147.440.000	4.470.644	29,8%	44.706.440.000
	15.000.000	**100%**	**150.000.000.000**	**15.000.000**	**100%**	**150.000.000.000**

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành 4 bộ phận với chức năng chính như sau:

- Khách sạn Phương Đông: Kinh doanh dịch vụ lưu trú và dịch vụ liên quan
- Nhà hàng Trường Thi: Kinh doanh dịch vụ ăn, uống
- Trung tâm Lữ hành: Kinh doanh dịch vụ du lịch
- Phòng Thương mại: Kinh doanh phân bón

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Khách sạn Phương Đông	Nhà hàng Trường Thi	Trung tâm Lữ hành	Phòng Thương mại	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	161.223.246.977	996.765.258	522.796.240	704.594.315	163.447.402.790
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	19.429.474.203
Tổng tài sản hợp nhất	**161.223.246.977**	**996.765.258**	**522.796.240**	**704.594.315**	**182.876.876.993**
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	32.777.485.859	401.670.472	45.524.000	8.180.000	33.232.860.331
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	12.928.610.612
Tổng nợ phải trả hợp nhất	**32.777.485.859**	**401.670.472**	**45.524.000**	**8.180.000**	**46.161.470.943**

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Khách sạn Phương Đông	Nhà hàng Trường Thi	Trung tâm Lữ hành	Phòng Thương mại	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	143.349.439.306	2.338.177.069	894.474.089	13.116.462.503	159.698.552.967
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	37.066.511.921
Tổng tài sản hợp nhất	**143.349.439.306**	**2.338.177.069**	**894.474.089**	**13.116.462.503**	**196.765.064.888**
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	32.084.992.609	475.039.407	19.678.157	20.180.000	32.599.890.173
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	27.928.610.612
Tổng nợ phải trả hợp nhất	**32.084.992.609**	**475.039.407**	**19.678.157**	**20.180.000**	**60.528.500.785**

Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Khách sạn Phương Đông	Nhà hàng Trường Thi	Trung tâm Lữ hành	Phòng Thương mại	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	25.367.088.108	3.480.938.785	1.284.302.726	4.744.222.906	34.876.552.525
Giá vốn bộ phận	20.065.682.055	3.207.303.371	1.299.706.931	4.667.247.657	29.239.940.014
Lợi nhuận/(lỗ) gộp	5.301.406.053	273.635.414	(15.404.205)	76.975.249	5.636.612.511
Chi phí bán hàng	927.398.935	30.099.228	6.115.023	126.741.015	1.090.354.201
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.856.690.283	89.847.818	(36.057.400)	21.726.300	3.932.207.001
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**517.316.835**	**153.688.368**	**14.538.172**	**(71.492.066)**	**614.051.309**
Doanh thu hoạt động tài chính					209.467.088
Chi phí tài chính					289.000.684
Lợi nhuận khác					79.382.217
Lợi nhuận trước thuế					**613.899.930**

Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Khách sạn Phương Đông	Nhà hàng Trường Thi	Trung tâm Lữ hành	Phòng Thương mại	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	22.338.270.503	3.552.444.244	1.605.480.908	20.698.267.811	48.194.463.466
Giá vốn bộ phận	16.638.867.145	3.241.319.837	1.568.727.250	20.513.598.022	41.962.512.254
Lợi nhuận gộp	5.699.403.358	311.124.407	36.753.658	184.669.789	6.231.951.212
Chi phĩ bán hàng	1.041.375.732	50.586.661	16.335.971	141.557.716	1.249.856.080
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.304.777.597	84.389.927	10.000.000	-	3.399.167.524
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**1.353.250.029**	**176.147.819**	**10.417.687**	**43.112.073**	**1.582.927.608**
Doanh thu hoạt động tài chính					509.095.891
Chi phí tài chính					337.685.024
Lợi nhuận khác					86.527.915
Lợi nhuận trước thuế					**1.840.866.390**

20. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch	30.155.556.889	27.505.404.746
Kinh doanh phân bón	4.720.995.636	20.689.058.720
	34.876.552.525	**48.194.463.466**

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch	24.617.585.014	21.640.000.513
Kinh doanh phân bón	4.622.355.000	20.322.511.741
	29.239.940.014	**41.962.512.254**

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	208.493.239	508.297.162
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	973.849	798.729
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	209.467.088	**509.095.891**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	288.634.844	337.500.000
Chi phí tài chính khác	365.840	185.024
	289.000.684	**337.685.024**

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.274.720.377	9.265.324.933
Chi phí nhân công	7.556.893.008	6.303.690.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.288.205.334	2.687.942.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.723.409.017	3.321.147.849
Chi phí khác bằng tiền	4.419.273.480	2.900.493.397
	34.262.501.216	**24.478.598.862**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý CCDC	-	8.243.818
Các khoản thu nhập khác	387.748.121	250.961.202
	387.748.121	**259.205.020**

26. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán CCDC	-	11.192.000
Bồi thường, bị phạt và chi phí khác	308.365.904	161.485.105
	308.365.904	**172.677.105**

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	**613.899.930**	**1.840.866.390**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Lỗ các năm trước chuyển sang	-	(39.746.033.499)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	**613.899.930**	**(37.905.167.109)**
Thuế suất hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**135.057.983**	**-**

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	478.841.947	1.840.866.390
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**32**	**123**

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 151/HĐ-TĐ ngày 14 tháng 10 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 9.715,5 m^2 đất tại số 2 đường Trường Thi, thành phố Vinh với thời hạn thuê là 50 năm kể từ tháng 9 năm 1996. Đơn giá thuê đất bình quân là 33.848 VND/m^2/năm. Tiền thuê đất được thanh toán hàng năm.

Theo Hợp đồng thuê đất số 237/HĐ-TĐ ngày 31 tháng 12 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 1.125,2 m^2 đất tại số 167 đường Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh với thời hạn thuê là 40 năm kể từ tháng 12 năm 2009. Đơn giá thuê đất bình quân là khoảng 37.200 VND/m^2/năm. Tiền thuê đất được thanh toán hàng năm.

Theo Hợp đồng thuê đất số 158/HĐ-TĐ ngày 25 tháng 10 năm 2013 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 3.198 m^2 đất tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích xây dựng Trung tâm hội nghị 800 chỗ, văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông. Thời hạn thuê đến hết ngày 26 tháng 9 năm 2063, đơn giá thuê đất thực hiện theo Quyết định số 400/QĐ.ĐC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Tiền thuê được thanh toán hàng năm.

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT ĐẦU TƯ

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương hợp tác kinh doanh dự án Khách sạn Cửa Đông tại địa chỉ số 167 Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đối tác của Công ty là Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương (ORC). Công ty góp vốn bằng quyền phát triển dự án, được định giá dựa trên lợi thế thương mại của dự án (bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và các chi phí đã bỏ ra) với giá trị dự kiến khoảng 10.000.000.000 VND. ORC góp bằng tiền bao gồm toàn bộ chi phí thủ tục, thiết kế, xây dựng dự án. Số tiền này sẽ được xác định sau khi dự án hoàn thành và theo chi phí thực tế (không quá 17.500.000.000 VND). Tổng diện tích của khu đất dự án là 1.125,2 m^2.

  Tại ngày 13 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HDQT về việc phê duyệt chủ trương chuyển hướng hợp tác kinh doanh dự án Khách sạn Cửa Đông tại địa chỉ số 167 Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo đó, đối tác của Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC).

  Tại ngày 10 tháng 5 năm 2013, Công ty đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư "Dự án khách sạn Cửa Đông tại 167 Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An" số 313/PTC-OGC/HTĐT-2013 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương. Hai bên sẽ hợp tác xây dựng khách sạn Cửa Đông với tổng chi phí ước tính 21,637 tỷ VND trên khu đất thuê của Nhà nước có thời hạn đến ngày 01 tháng 12 năm 2049 với tổng diện tích 1.125,2 m^2. Công ty góp vốn bằng toàn bộ quyền, quyền lợi và lợi ích chủ đầu tư phát sinh từ Dự án tại lô đất 167 Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, được định giá dựa trên lợi thế thương mại của dự án và các chi phí mà Công ty đã bỏ ra trong quá trình triển khai dự án tính đến thời điểm hợp tác. Hai bên thống nhất định giá phần tài sản góp vốn nêu trên là 10 tỷ VND. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương góp vốn bằng tiền, tài sản và hình thức khác bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình xây dựng, thực hiện dự án. Hai bên thống nhất xác định phần tài sản góp vốn trên khoảng 21,637 tỷ VND.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và (lỗ) lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	13.000.000.000	28.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.171.065.120	13.173.303.451
Nợ thuần	7.828.934.880	14.826.696.549
Vốn chủ sở hữu	136.715.406.050	136.236.564.103
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**0,06**	**0,11**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.171.065.120	13.173.303.451
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.331.398.619	2.851.436.118
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.172.670.000	12.172.670.000
Tài sản tài chính khác	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	**23.175.133.739**	**28.697.409.569**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	13.000.000.000	28.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	7.703.527.626	4.689.682.434
Chi phí phải trả	166.331.195	139.209.629
Tổng cộng	**20.869.858.821**	**32.828.892.063**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hay lãi suất của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong kỳ, Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, tuy nhiên, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá do các giao dịch này là không trọng yếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách hàng và ứng trước cho người bán. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của các khoản phải thu, trả trước cho người bán và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích lập được trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 7.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/6/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.171.065.120	-	5.171.065.120
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.331.398.619	-	5.331.398.619
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	12.172.670.000	12.172.670.000
Tài sản tài chính khác	-	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	**10.502.463.739**	**12.672.670.000**	**23.175.133.739**
30/6/2015			
Các khoản vay	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	7.703.527.626	-	7.703.527.626
Chi phí phải trả	166.331.195	-	166.331.195
Tổng cộng	**20.869.858.821**	**-**	**20.869.858.821**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(10.367.395.082)**	**12.672.670.000**	**2.305.274.918**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.173.303.451	-	13.173.303.451
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.851.436.118	-	2.851.436.118
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	12.172.670.000	12.172.670.000
Tài sản tài chính khác	-	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	**16.024.739.569**	**12.672.670.000**	**28.697.409.569**
31/12/2014			
Các khoản vay	28.000.000.000	-	28.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	4.689.682.434	-	4.689.682.434
Chi phí phải trả	139.209.629	-	139.209.629
Tổng cộng	**32.828.892.063**	**-**	**32.828.892.063**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(16.804.152.494)**	**12.672.670.000**	**(4.131.482.494)**

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Như đã trình bày ở Thuyết minh số 6 và 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có số dư tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã trích lập 100% dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền 44.438.643.231 VND.

Bên cạnh đó, như đã trình bày ở Thuyết minh số 17, khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) (PVCombank) là khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng tín dụng số 53/PV-PTC/PVF08 ngày 27 tháng 11 năm 2008 với hạn mức vay là 50 tỷ VND, ngày đáo hạn là ngày 27 tháng 11 năm 2011. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa ký được phụ lục hợp đồng với PVCombank để gia hạn hợp đồng vay. Số dư gốc vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 13.000.000.000 VND. Đồng thời, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng số nợ ngắn hạn của Công ty đang vượt quá tài sản ngắn hạn là 8.491.270.722 VND. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã lên phương án tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng cuối năm 2015 và năm 2016 sẽ khả quan hơn và mang lại nguồn lợi nhuận hợp lý để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty trong năm tiếp theo.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương ("OCH")	Chủ sở hữu
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Chủ sở hữu OCH
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng chủ sở hữu với OCH

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ trong kỳ		
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	133.881.816	349.801.114
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - Chi nhánh Vinh	152.930.934	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	6.920.909
Lãi tiền gửi		
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	20.283.169	363.278.460

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương		
Tiền gửi thanh toán	1.574.875.695	1.114.185.374
Tiền gửi có kỳ hạn	302.751.000	5.802.751.000
Các khoản phải thu về cung cấp dịch vụ		
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - Chi nhánh Vinh	74.685.390	-
Ứng trước cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	12.721.007.600
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	5.041.035.627	-
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - Chi nhánh Vinh ứng trước tiền thuê văn phòng	24.094.150.352	24.094.150.352

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	574.734.905	342.577.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09a-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu "PETROVIETNAM và hình" với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ VND.

Khoản phí sử dụng nhãn hiệu và hình phải trả PVN cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 với tổng số tiền 4 tỷ VND chưa được Công ty hạch toán do đang trong quá trình thanh lý hợp đồng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để xin miễn khoản phí nêu trên.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014	Phân loại lại	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn khác	136	659.593.505	1.210.185.088	1.869.778.593
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.210.185.088	(1.210.185.088)	-
Phải thu dài hạn khác	216	-	500.000.000	500.000.000
Tài sản dài hạn khác	268	500.000.000	(500.000.000)	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24.590.820.541	(23.602.432.998)	988.387.543
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	238.254.694	238.254.694
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.709.365.210	(238.254.694)	1.471.110.516
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	23.602.432.998	23.602.432.998
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	48.921.537.610	(727.074.144)	48.194.463.466
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	727.074.144	(727.074.144)	-

Kim Thị Liên Quý	**Lê Thị Hồng Gấm**	**Trần Đình Phúc**
Người lập biểu	**Phó phụ trách**	**Phó Giám đốc**
	Phòng Tài chính Kế toán	**Theo Giấy ủy quyền số 393 ngày 12 tháng 8 năm 2015**

Ngày 12 tháng 8 năm 2015